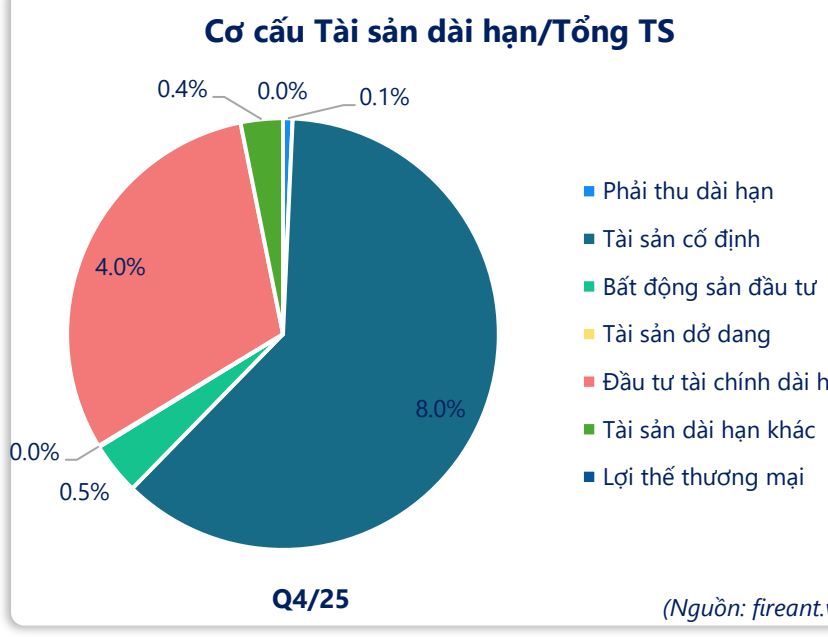
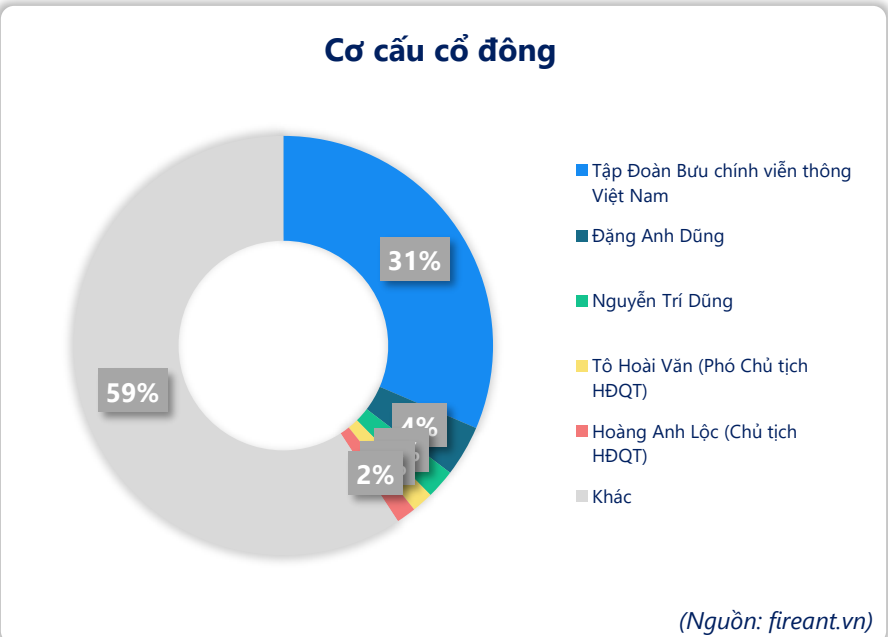
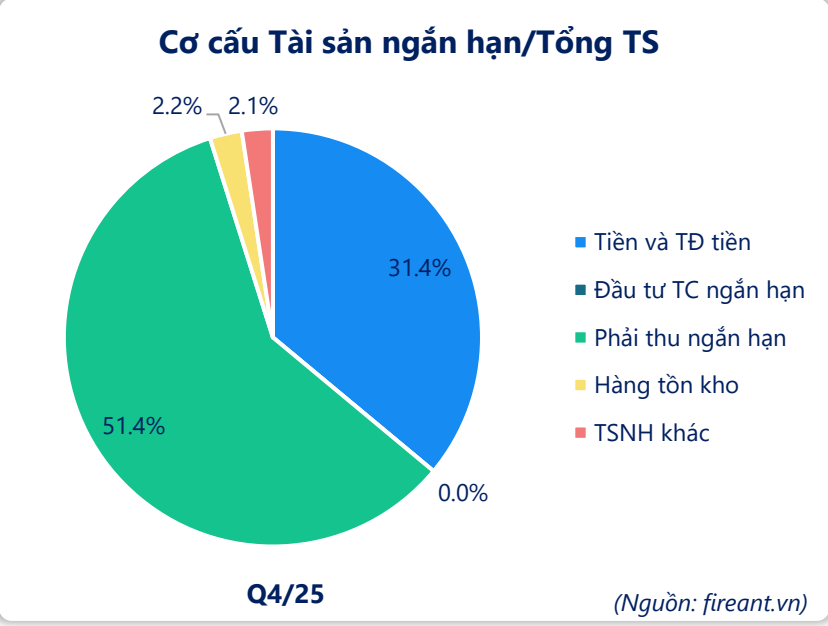
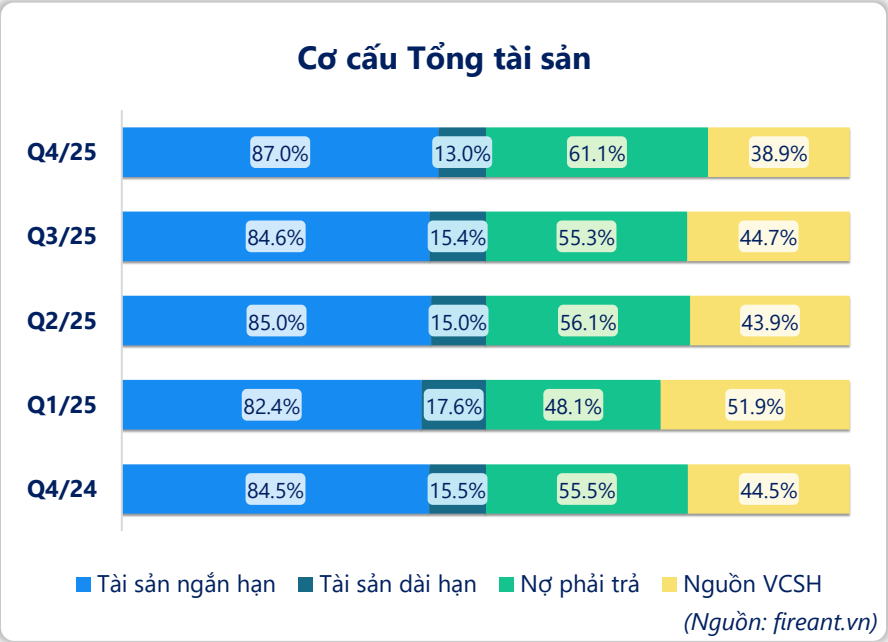
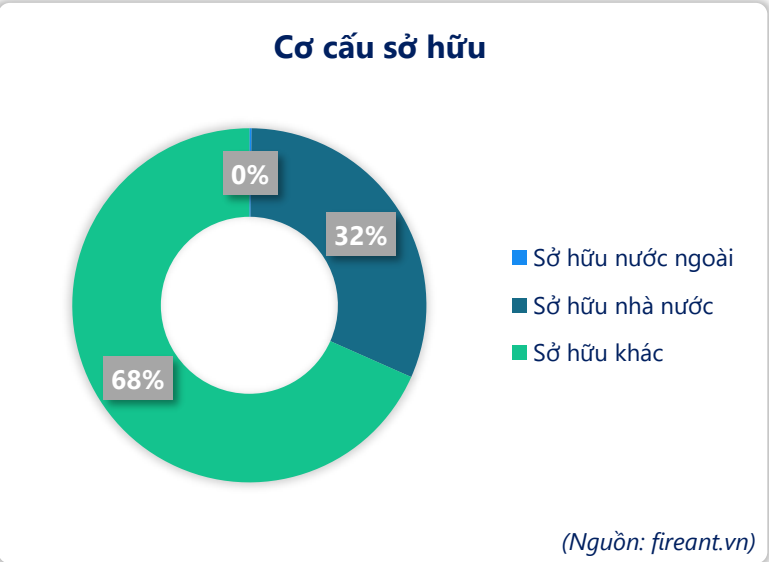
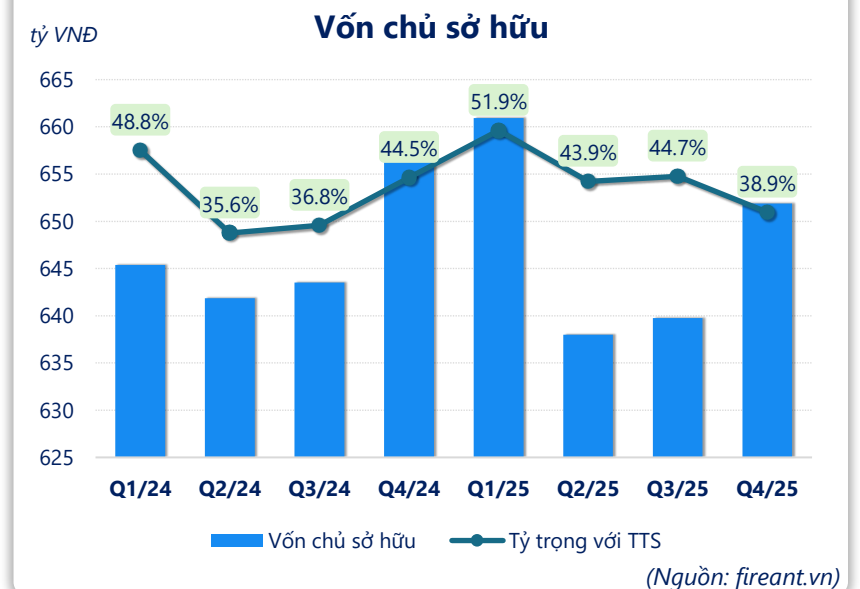
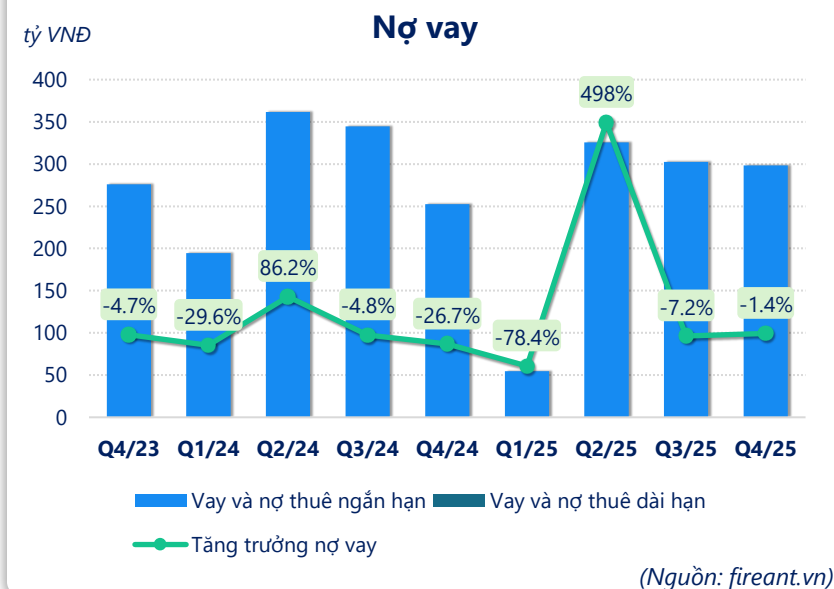
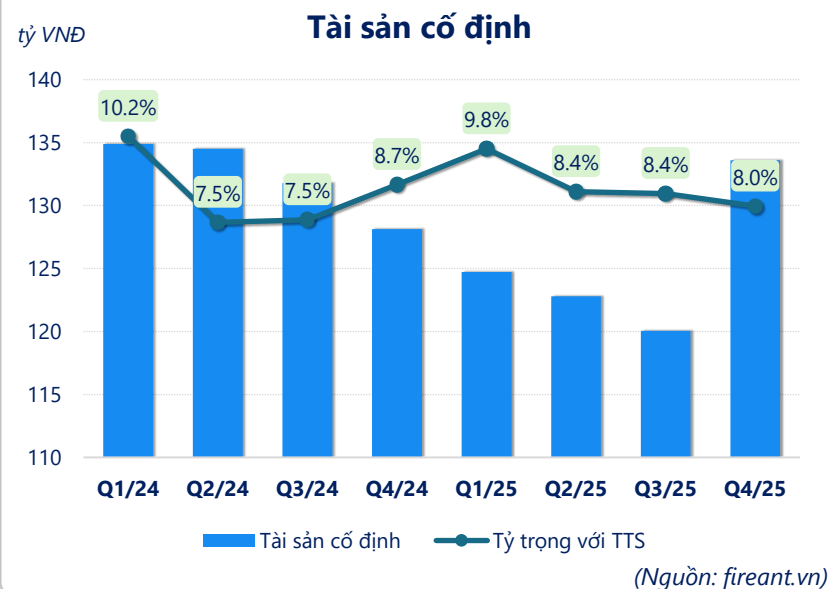
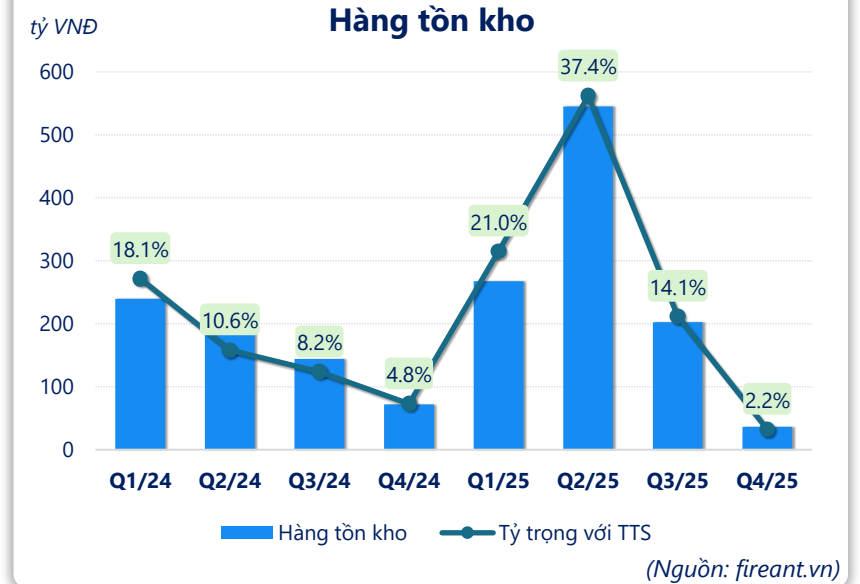
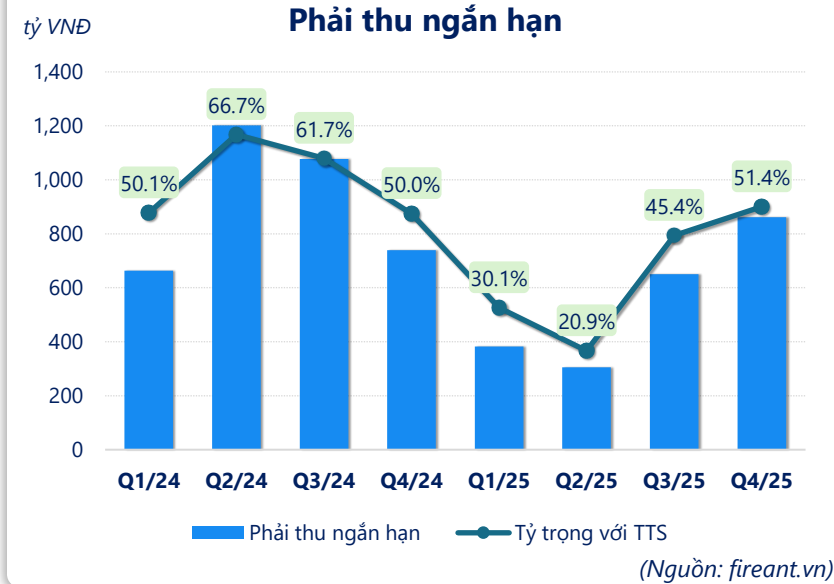
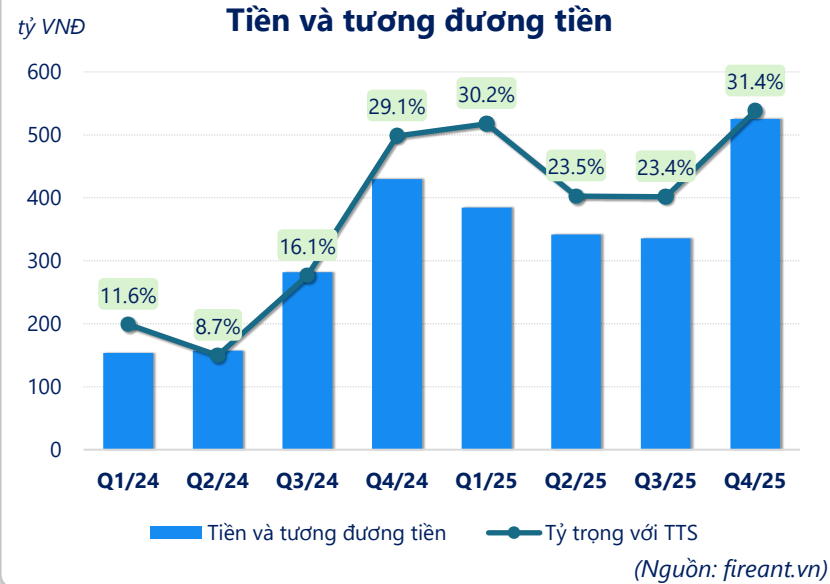
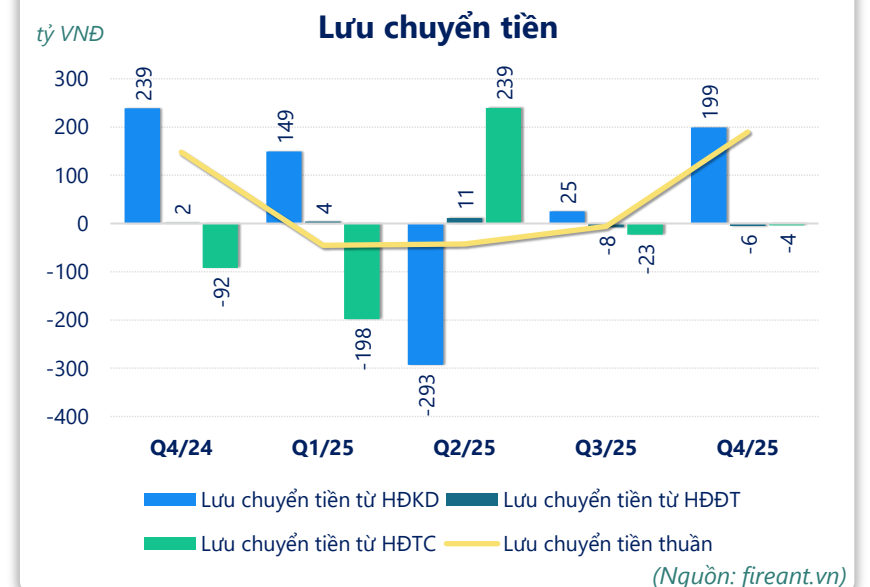
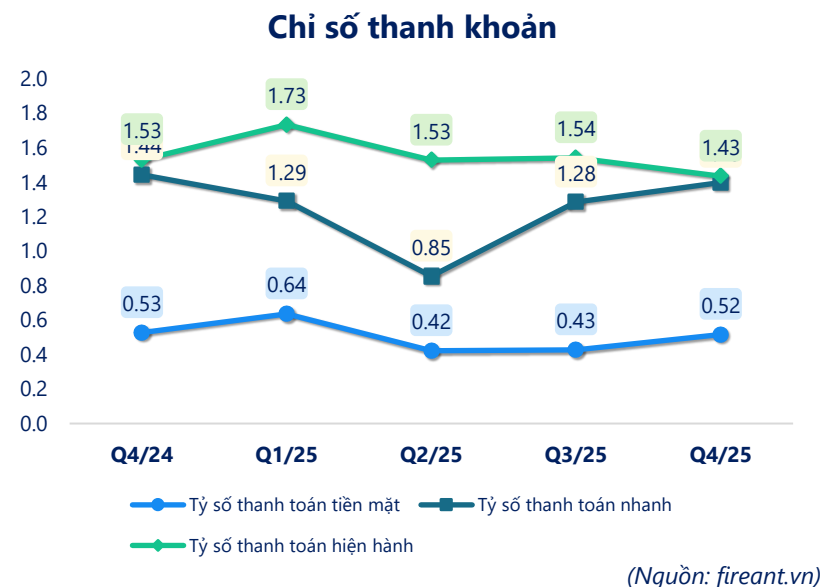
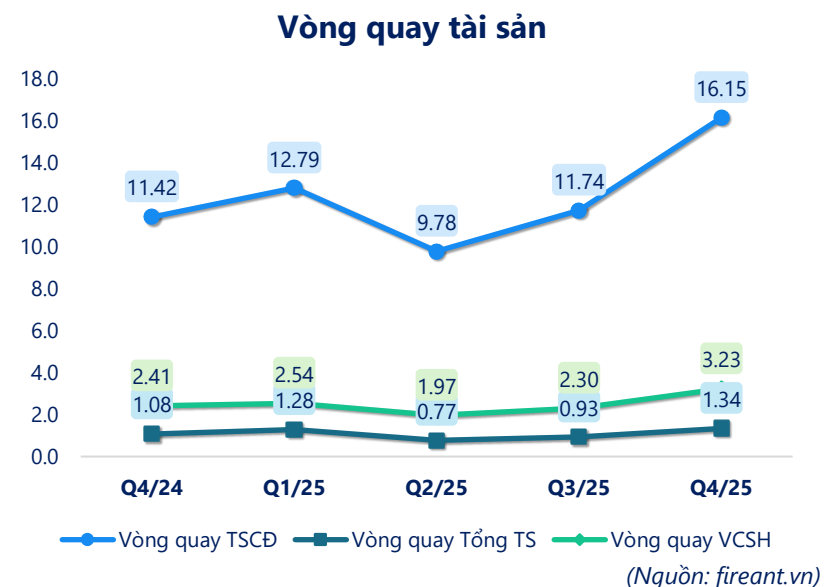
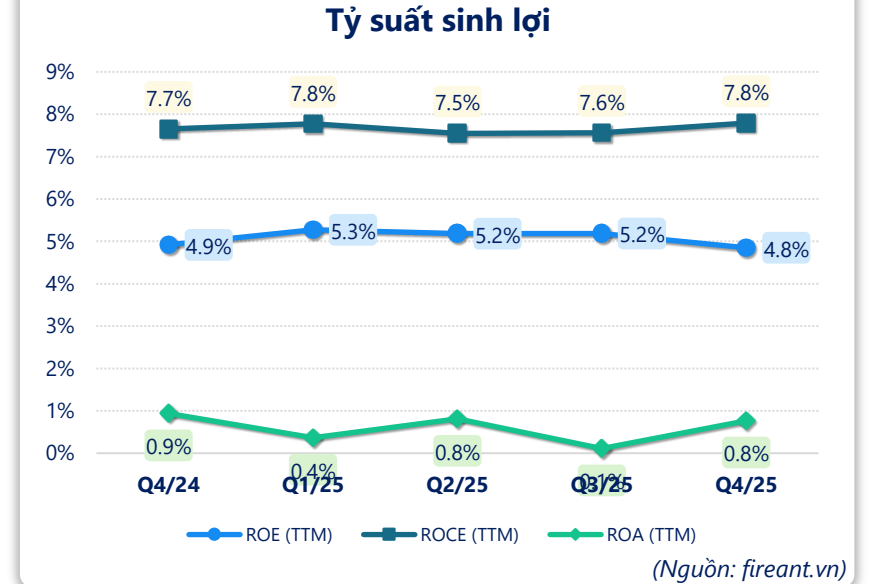
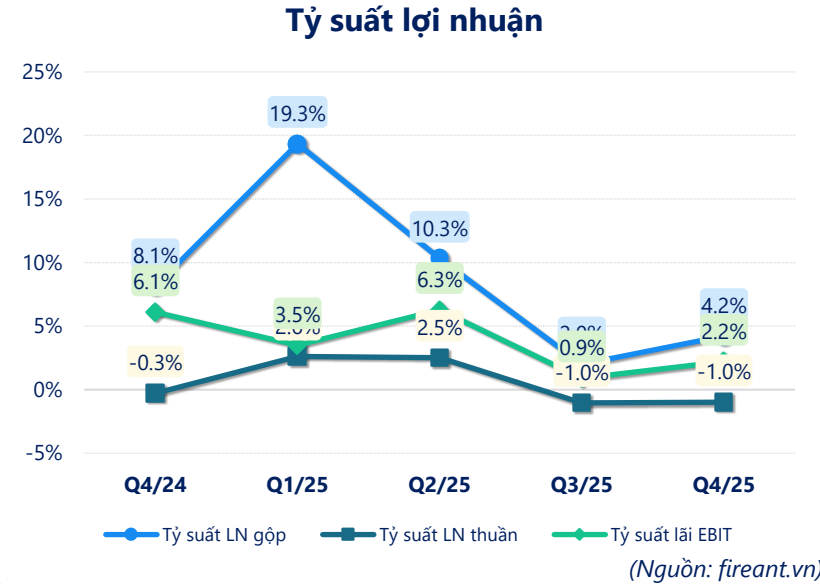
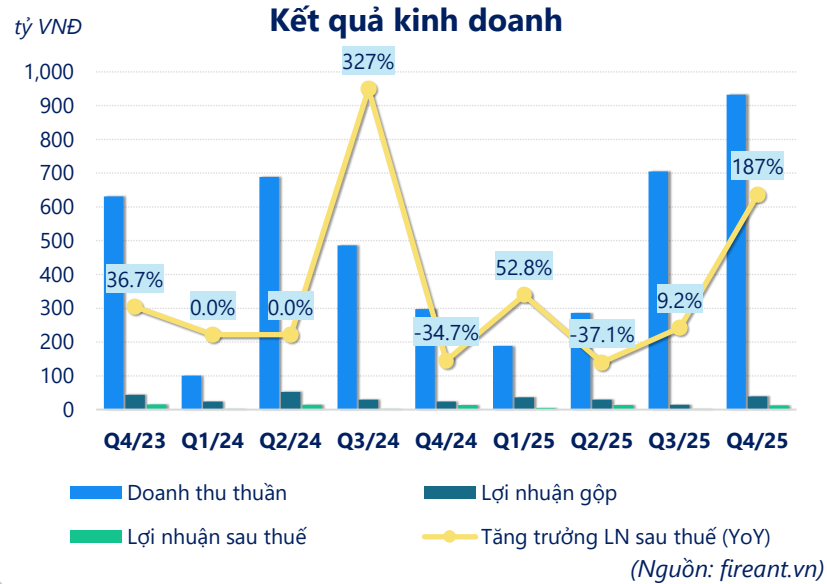


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		18,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		25,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		10,487
SL cổ phiếu LH		32,185,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		76,470
% sở hữu nước ngoài		0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		579
P/E		18.3
EPS		986

	YTD	1T	3T	6T
ICT	42.1%	-19.1%	0.0%	43.4%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,674	1,475	13.5%
Tài sản ngắn hạn	1,457	1,245	17.1%
Tiền và tương đương tiền	525	430	22.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	861	736	16.9%
Hàng tồn kho	36.2	71.4	-49.3%
Tài sản ngắn hạn khác	34.8	7.19	383%
Tài sản dài hạn	217	231	-6.0%
Phải thu dài hạn	1.55	1.55	0.0%
Tài sản cố định	134	128	4.3%
Bất động sản đầu tư	8.51	9.21	-7.6%
Tài sản dở dang	0.21	8.41	-97.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	66.2	66.4	-0.3%
Tài sản dài hạn khác	6.85	17.0	-59.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,022	819	24.8%
Nợ ngắn hạn	1,016	814	24.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	298	253	18.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	447	402	11.1%
Nợ dài hạn	6.55	5.46	20.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	652	656	-0.7%
Vốn chủ sở hữu	652	656	-0.7%
Vốn điều lệ	322	322	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	297	189	287	705	933
Giá vốn hàng bán	273	152	257	691	893
Lợi nhuận gộp	24.2	36.5	29.5	14.1	39.4
Doanh thu HĐTC	18.9	4.52	4.19	2.10	3.74
Chi phí TC	7.24	12.0	-2.17	5.26	4.37
Chi phí lãi vay	2.53	1.02	2.77	4.07	2.93
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	17.8	12.7	14.8	11.0	24.9
Chi phí QLDN	18.9	11.4	13.8	7.28	23.0
LN thuần từ HĐKD	-0.83	4.93	7.23	-7.34	-9.17
Lợi nhuận khác	16.4	0.66	7.99	9.61	26.8
LN trước thuế	15.6	5.59	15.2	2.27	17.6
Lợi nhuận sau thuế	13.7	4.70	13.2	1.76	12.1
LNST của CĐ cty mẹ	13.7	4.70	13.2	1.76	12.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	239	149	-293	25.3	199
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.63	3.95	11.0	-8.07	-5.58
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-92.1	-198	239	-23.5	-4.13
Tiền đầu kỳ	282	430	384	342	336
Lưu chuyển tiền thuần	148	-45.2	-42.5	-6.24	190
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.01	0	0
Tiền cuối kỳ	430	384	342	336	525

(Nguồn: fireant.vn)